

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2017/DS-PT
Ngày 14 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng thuê
khoán và vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Kim Đồng

Ông Bùi Hữu Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng thuê khoán và vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2017/QĐ-PT ngày 16/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2017/QĐ-PT ngày 07/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1958

Địa chỉ: Số 8D đường M, phường 4, thành phố Z, tỉnh Lâm Đồng.

Văn bản ủy quyền ngày 11/07/2017.

- Bị đơn: Công ty cổ phần tơ lụa L (nay là Công ty cổ phần dược liệu và tơ lụa L).

Địa chỉ: Số 117 thôn C, xã E, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trọng Đ1 - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phan Thị C, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1958

Địa chỉ: Số 8D đường M, phường 4, thành phố Z, tỉnh Lâm Đồng.

Văn bản ủy quyền ngày 11/07/2017.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ông Nguyễn Duy T và bị đơn Công ty cổ phần được liệu và tơ lụa L.

(Ông Đ, ông Đ1 có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn Ông Nguyễn Duy T trong quá trình tham gia tố tụng và Ông Trần Văn Đ đại diện trình bày: Nông trường dâu tằm L (nay là Công ty cổ phần được liệu và tơ lụa L) có ký với ông T 02 hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng giá trị vườn dâu và cam kết trả nợ số 225 ngày 20/10/1994; Hợp đồng khoán đất đã trồng dâu ngày 06/12/1995 và các bên có xác nhận Nông trường dâu tằm L (nay là Công ty cổ phần được liệu và tơ lụa L) đã đầu tư cho ông số tiền vốn vay 3.834.306đ và giá trị vườn cây là 10.301.680đ nhưng từ đó cho đến nay giữa hai bên chưa thống nhất số nợ nên ông T chưa thực hiện nghĩa vụ này. Nay Ông Nguyễn Duy T khởi kiện yêu cầu được thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ liên quan đến hợp đồng khoán đất trồng dâu đã ký ngày 06/12/1995 để Công ty cổ phần tơ lụa L tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng khoán đất đã trồng dâu ngày 06/12/1995 cho ông.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần tơ lụa L, ông T đồng ý trả số tiền giá trị vườn cây 10.301.680đ, gốc vốn vay 3.834.306đ và trả một phần số tiền lãi của số tiền vốn vay 12.078.064đ, tiền thuế đất nông nghiệp Công ty đã có nghĩa vụ đóng 8.870.872đ và không đồng ý trả tiền lãi giá trị vườn cây, một phần tiền lãi vốn vay và phí quản lý của công ty vì từ khi ký hợp đồng năm 1995 cho đến nay công ty không quan tâm đầu tư, thu mua sản phẩm nên phải chuyển đổi cây trồng từ cây dâu tằm sang cây cà phê từ năm 1998 và Công ty cũng không có văn bản nào yêu cầu ông phải có nghĩa vụ trả nợ và lãi của giá trị vườn dâu, lãi vốn vay.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 23/02/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần tơ lụa L, ông Trần Trọng Đ1 trình bày: Việc ký kết các hợp đồng như lời trình bày của nguyên đơn là đúng, tuy nhiên năm 1999 Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Dâu tằm tơ Bắc Lâm Đồng trong đó có phần diện tích đất của Nông trường dâu tằm L là đơn vị trực thuộc (nay là Công ty cổ phần tơ lụa L) thì trong đó có phần diện tích đất hộ Ông Nguyễn Duy T giao nhận khoán. Khi giá kén hạ các hộ gia đình đã tự ý phá bỏ cây dâu để trồng cây cà phê

không được sự đồng ý của Công ty. Nay theo khởi kiện của nguyên đơn, Công ty yêu cầu Ông Nguyễn Duy T, bà Phan Thị C thanh toán hết các khoản bao gồm:

- Số tiền gốc giá trị vườn cây 10.301.680đ và tiền lãi tính từ năm 2003 đến tháng 2/2017 là $14 \text{ năm} \times 2 \text{ tháng} \times 1,05\%/\text{tháng} \times 170 \text{ tháng} = 18.388.499\text{đ}$.

- Số tiền gốc vốn vay 3.834.306 đ, tiền lãi tính từ năm 1995 đến năm 2008 là 168 tháng: $3.834.306\text{đ} \times 1\%/\text{tháng} \times 168 \text{ tháng} = 6.441.634\text{đ}$ và từ năm 2009 đến tháng 2/2017 là 98 tháng: $3.834.306\text{đ} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 98 \text{ tháng} = 5.636.429\text{đ}$, tổng cộng lãi 12.078.064đ.

- Phí quản lý: tính theo giá kén đến năm 2005 là 3.501.660đ + từ năm 2006 đến năm 2007 tính theo giá thóc là $400\text{kg}/\text{ha} \times 2.000\text{đ}/\text{kg} \times (0.6866\text{ha} \times 400\text{kg}/\text{ha} \times 2.000\text{đ}/\text{kg} \times 30\% \times 24 \text{ tháng} = 329.568\text{đ}) + \text{năm 2008 giá thóc } 2.500\text{đ}/\text{kg} \times (0.6866\text{ha} \times 400\text{kg}/\text{ha} \times 2.500\text{đ}/\text{kg} \times 30\% \times 12 \text{ tháng} = 205.980\text{đ}) + \text{năm 2009 đến năm 2017 giá thóc } 3.500\text{đ}/\text{kg} \times (0.6866\text{ha} \times 400\text{kg}/\text{ha} \times 3.500\text{đ}/\text{kg} \times 30\% \times 108 \text{ tháng} = 2.595.348\text{đ})$; tổng cộng 6.632.556đ.

- Tiền thuê đất nông nghiệp Công ty đã đóng trên diện tích hộ Ông Nguyễn Duy T nhận khoán từ năm 1995 đến nay là 8.870.872đ.

Tổng cộng các khoản 60.105.977đ và Công ty sẽ làm thủ tục thanh lý hợp đồng đã ký trên theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C trình bày: bà đồng ý với ý kiến trình bày của Ông Nguyễn Duy T (chồng bà).

Tòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 23/2017/DS-ST ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Duy T; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần tư lưa L về kiện tranh chấp hợp đồng khoán và vay tài sản.

Buộc Ông Nguyễn Duy T, bà Phan Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần tư lưa L số tiền: 51.821.864đ. Trong đó: gốc giá trị vườn cây 10.301.680đ + tiền lãi giá trị vườn cây 12.980.116đ + gốc vốn vay 3.834.306đ + tiền lãi vốn vay 9.202.334đ + chi phí quản lý 6.632.556đ + thuế nông nghiệp 8.870.872đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 13/7/2017 nguyên đơn Ông Nguyễn Duy T kháng cáo không đồng ý trả tiền lãi giá trị vườn cây và lãi vốn vay, chi phí quản lý và thuế nông nghiệp.

Ngày 14/7/2017 Công ty cổ phần được liệu và tư lưa L kháng cáo yêu cầu tính lại khoản lãi phát sinh, giá trị vườn cây tính từ ngày 01/01/2013 đến tháng 2/2017

và lãi vay vốn tính từ năm 1995 đến tháng 2/2017.

Tại phiên tòa hôm nay: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: chấp nhận kháng cáo của ông T, không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần dược liệu và tư lỵ L. Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Xuất phát từ Hợp đồng chuyển nhượng giá trị vườn dâu, cam kết trả nợ số 225 ngày 20/10/1994 và Hợp đồng khoán đất đã trồng dâu ngày 06/12/1995 giữa Nông trường dâu tằm Lộc Châu (nay là Công ty cổ phần dược liệu và tư lỵ L) với Ông Nguyễn Duy T. Theo đó ông T được sử dụng khai thác diện tích đất 7.266m² đã trồng dâu trong thời hạn 50 năm, ông T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị vườn dâu, tiền vốn vay mà Nông trường dâu tằm Lộc Châu đã đầu tư. Nay ông T khởi kiện yêu cầu được thực hiện nghĩa vụ, còn bị đơn Công ty cổ phần dược liệu và tư lỵ L có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu thanh toán các khoản nợ còn thiếu từ các hợp đồng nêu trên. Do các bên không thống nhất được về số tiền thanh toán nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng khoán và vay tài sản*” là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Duy T và Công ty cổ phần tư lỵ L thì: Theo hồ sơ thể hiện:

[2] Đối với khoản tiền vốn lưu động 3.834.306đ và giá trị vườn cây 10.301.680đ thì hai bên đã ký cam kết trả nợ số 225 ngày 20/10/1994 (BL26,27,28,29,30) nhưng nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ, phía bị đơn thường xuyên đôn đốc, thông báo nhưng nguyên đơn không đồng ý trả. Căn cứ bảng đối chiếu công nợ tính đến ngày 31/12/1999 (BL05) và thông báo thu hồi công nợ ngày 10/10/2010 (BL04), nguyên đơn đã ký xác nhận công nợ, có nhận các thông báo thu hồi, đối chiếu công nợ thông qua các đội trưởng đội sản xuất. Vì vậy, việc bị đơn yêu cầu tính lãi đối với các khoản tiền trên tính đến tháng 02/2017 là có căn cứ. Cụ thể như sau:

- Lãi giá trị vườn cây: $10.301.680đ \times 1,05 \% / \text{tháng} \times 170 \text{ tháng} = 18.388.499đ$;

- Lãi vốn lưu động từ năm 1995 - 2008: $3.834.306đ \times 1\% / \text{tháng} \times 168 \text{ tháng} = 6.441.634đ$; lãi vốn lưu động từ năm 2009 - tháng 2/2017: $3.834.306đ \times$

$1,5\%/tháng \times 98 \text{ tháng} = 5.636.430đ$; tổng cộng lãi vốn lưu động: $6.441.634đ + 5.636.429đ = 12.078.064đ$.

[3] Đối với yêu cầu thanh toán phí quản lý 6.632.556 thì thấy rằng: Ông T cho rằng phía công ty đã không có sự đầu tư, quan tâm đến các hoạt động phục vụ cho sản xuất các hộ nhận đất trồng khoán, không thu mua sản phẩm; gia đình ông phải phá bỏ cây dâu tằm để trồng mới cây cà phê nên ông không đồng ý thanh toán cho Công ty khoán chi phí quản lý là thiếu cơ sở. Theo Điều 5 của Hợp đồng chuyển nhượng giá trị vườn dâu và cam kết trả nợ số 225 ngày 20/10/1994 nguyên đơn đã thỏa thuận nghĩa vụ đóng chi phí quản lý là 10-15kén/ha/năm và tại Hợp đồng khoán đất đã trồng dâu ngày 06/12/1995 hai bên đã thỏa thuận nghĩa vụ đóng phí quản lý là 11.69 kg/kén/năm và thuộc trách nhiệm của bên nhận khoán là ông T nhưng cho đến nay ông T vẫn chưa thanh toán đối với phí quản lý cho Công ty nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bị đơn và buộc nguyên đơn ông T phải thanh toán phí quản lý cho Công ty với tổng số tiền 6.632.566đ là phù hợp nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông T về phần này.

[4] Ông T kháng cáo không đồng ý trả thuế nông nghiệp cho Công ty và cho rằng Công ty đã thiếu trách nhiệm trong việc xin miễn thuế theo Nghị định 129/2003/NĐ-CP ngày 03/11/2003, Nghị quyết Quốc hội số 55/2010/QH12, Nghị định 21/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 cho các hội viên nhận khoán nhưng theo hợp đồng thì các bên đã cam kết về các khoản thuế theo quy định. Mặt khác, theo Thông tư số 112/2003/TT-BTC ngày 19/11/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 2003 đến năm 2010 thì Công ty không thuộc trường hợp được miễn thuế nông nghiệp và theo điều khoản của Hợp đồng thì ông T phải chịu 20-25kg kén ươm/ha nộp thuế nông nghiệp hàng năm khi Chi cục thuế huyện X thu thì Nông trường thu của các hộ. Hơn nữa, tại Công văn số 09/CV.CCT ngày 26/01/2000 của Chi cục Thuế huyện X có nội dung Xí nghiệp dâu tằm tơ X không thuộc diện miễn giảm theo Điều 15 Chương V Nghị định 74/CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ. Bên cạnh đó, thời điểm đó hai bên vẫn chưa tiến hành thanh lý hợp đồng. Do đó, việc ông T kháng cáo yêu cầu không tính thuế nông nghiệp là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn gửi đến Tòa ngày 07/10/2016 (BL08-09) thì nguyên đơn yêu cầu tính toán số tiền mà nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn để hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thống nhất việc thanh toán số tiền gốc giá trị vườn cây, tiền vốn vay và tiền thuế nông nghiệp, không đồng ý thanh toán số tiền lãi phát sinh và phí quản lý. Tuy nhiên tại phần Quyết định thì cấp sơ thẩm chỉ tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn mà không ghi rõ là phần nào. Đồng thời không tuyên thanh lý hợp đồng đã ký kết giữa hai bên là có thiếu sót, không đảm bảo cho quá trình thi hành án.

[6] Từ những phân tích trên, cần bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông T, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần được liệu và tư lỵ Lâm Đồng; sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[7] *Về án phí*: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho bị đơn là $60.105.977đ \times 5\% = 3.005.299đ$.

Hoàn trả Công ty cổ phần dược liệu và tư lựạ L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông Nguyễn Duy T; Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần dược liệu và tư lựạ L. Sửa án sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T đối với việc thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng giá trị vườn dâu và cam kết trả nợ số 225 ngày 20/10/1994; Hợp đồng khoán đất đã trồng dâu ngày 06/12/1995 đã ký kết giữa Ông Nguyễn Duy T với Nông trường dâu tằm Lộc Châu (*nay là Công ty cổ phần dược liệu và tư lựạ L*).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần dược liệu và tư lựạ L đối với việc yêu cầu hộ Ông Nguyễn Duy T, bà Phan Thị C thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Buộc Ông Nguyễn Duy T, bà Phan Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần dược liệu và tư lựạ L số tiền 60.105.977đ. Trong đó: gốc giá trị vườn cây 10.301.680đ + tiền lãi giá trị vườn cây 18.388.499đ + gốc vốn lưu động 3.834.306đ + tiền lãi vốn lưu động 12.078.064đ + chi phí quản lý 6.632.556đ + thuế nông nghiệp 8.870.872đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Buộc hộ Ông Nguyễn Duy T và Công ty cổ phần dược liệu và tư lựạ L sau khi thanh toán các khoản tiền tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định.

3. Về án phí:

Buộc Ông Nguyễn Duy T, bà Phan Thị C phải chịu 3.005.299đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 200.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006425 ngày 24/10/2016 và 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006741 ngày 27/7/2017 của Chi cục thi hành án huyện Y. Ông T, bà Cậ còn phải nộp 2.505.299đ án phí còn thiếu.

Hoàn trả Công ty cổ phần được liệu và tờ lụa L số tiền 1.500.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006296 ngày 23/02/2017 và số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006762 ngày 02/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. Y;
- CCTHADS H. Y;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự ;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Đã ký

Vũ Thị Nguyệt